

Số: 09/2024/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2024

THÔNG TƯ

Hướng dẫn định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội

Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội được cấp có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Thông tư này không áp dụng đối với:

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng;
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của chính quyền đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

Điều 3. Nguyên tắc và căn cứ xác định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Nguyên tắc xác định số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội được xác định trên cơ sở nguyên tắc quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 và điểm d khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Căn cứ xác định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 3 và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Căn cứ vào mức độ phức tạp của công việc và số lượng người làm việc cần bố trí theo từng vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các quy định pháp luật chuyên ngành trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

Chương II

ĐỊNH MỨC SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH, LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI

Điều 4. Định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

Đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp căn cứ tình hình thực tế hoạt động, quy mô đào tạo và tiêu chí về tỷ lệ số lượng học sinh, sinh viên quy đổi trên giáo viên, giảng viên quy đổi tối đa là 25 để xác định định mức số lượng giáo viên, giảng viên của đơn vị cho phù hợp.

Điều 5. Định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ về an toàn, vệ sinh lao động

Đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ về an toàn, vệ sinh lao động, căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức và lộ trình tinh giản biên chế (nếu có), để xác định số lượng người làm việc tối thiểu với từng vị trí việc làm và số lượng người làm việc tối thiểu trong đơn vị, đảm bảo phù hợp với quy định sau:

Đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu trong đơn vị là 15 người (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu được thành lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành).

Điều 6. Định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội và bảo vệ chăm sóc trẻ em; dịch vụ xã hội trong cơ sở bảo trợ xã hội công lập

1. Đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội và bảo vệ chăm sóc trẻ em; dịch vụ xã hội trong cơ sở bảo trợ xã hội công lập, căn cứ đặc điểm đối tượng, quy mô và số lượng đối tượng, định mức số lượng người làm việc chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị được quy định như sau:

TT	Chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	Định mức số đối tượng tối đa/1 nhân viên
1.	Công tác xã hội viên chính	01 công tác xã hội viên chính quản lý trường hợp 30 đối tượng
2.	Công tác xã hội viên	01 công tác xã hội viên quản lý trường hợp 25 đối tượng
3.	Nhân viên công tác xã hội	01 nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp 20 đối tượng
4.	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng tại cơ sở	
a)	Nhân viên chăm sóc trẻ em	01 nhân viên chăm sóc phụ trách 01 trẻ em dưới 18 tháng tuổi, tối đa 06 trẻ em bình thường từ 18 tháng tuổi đến dưới 6 tuổi hoặc tối đa 10 trẻ em bình thường từ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi; chăm sóc tối đa 04 trẻ em khuyết tật hoặc tâm thần hoặc nhiễm HIV/AIDS từ 18 tháng tuổi đến dưới 6 tuổi; chăm sóc tối đa 05 trẻ em khuyết tật hoặc tâm thần hoặc nhiễm HIV/AIDS từ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi
b)	Nhân viên chăm sóc người khuyết tật	01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 10 người khuyết tật còn tự phục vụ được hoặc tối đa 04 người khuyết tật không tự phục vụ được
c)	Nhân viên chăm sóc người cao tuổi	01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 10 người cao tuổi còn tự phục vụ được hoặc tối đa 04 người cao tuổi không tự phục vụ được
d)	Nhân viên chăm sóc người tâm thần	01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 02 người tâm thần đặc biệt nặng, tối đa 04 người tâm thần

		nặng hoặc tối đa 10 người tâm thần đã phục hồi, ổn định
đ)	Nhân viên chăm sóc người lang thang	01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 12 người lang thang (định mức này sử dụng cho các đợt tiếp nhận người lang thang vào cơ sở để đánh giá, đưa về địa phương)
5.	Nhân viên tâm lý	Mỗi cơ sở có ít nhất 01 nhân viên tâm lý
6.	Nhân viên y tế	01 nhân viên y tế phụ trách việc chăm sóc sức khỏe cho tối đa 50 đối tượng
7.	Nhân viên phụ trách dinh dưỡng	01 nhân viên phục vụ tối đa 20 đối tượng
8.	Nhân viên phục hồi chức năng	01 nhân viên hướng dẫn phục hồi chức năng cho tối đa 05 đối tượng
9.	Giáo viên dạy văn hóa, dạy nghề	01 giáo viên phụ trách dạy văn hóa, dạy nghề tối đa cho 09 đối tượng
10.	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung và hỗ trợ phục vụ tối đa không quá 20% tổng số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao	

2. Đối với đơn vị có chức năng, nhiệm vụ có yêu cầu về vị trí việc làm thuộc chuyên môn về y tế và yêu cầu chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực khác thì đơn vị căn cứ hướng dẫn của Bộ Y tế, của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để xác định số lượng người làm việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 7. Định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ về việc làm

Đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ về việc làm, căn cứ tính chất, đặc điểm đối tượng, quy mô lực lượng lao động trong năm trên địa bàn quản lý, định mức số lượng người làm việc trong đơn vị được quy định như sau:

Chỉ số	Quy mô lực lượng lao động (1.000 người)					
	< 500	>500 đến 1.000	>1.000 đến 2.000	>2.000 đến 3.000	> 3.000 đến 4.000	> 4.000
Số lượng người làm việc tối đa	40	80	120	160	180	250

Điều 8. Định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc tại nước ngoài

Đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc tại nước ngoài, căn cứ tính chất, đặc điểm đối tượng, quy mô số lượng người lao động đưa đi làm việc tại nước ngoài trong năm, định mức số lượng người làm việc được quy định như sau:

Chỉ số	Quy mô đưa lao động đi làm việc tại nước ngoài trong năm (1.000 người)			
	< 15	≥ 15 đến dưới 20	≥ 20 đến dưới 25	≥ 25
Số lượng người làm việc tối đa	60	70	80	100

Điều 9. Định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ chăm sóc người có công

1. Đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ chăm sóc người có công, căn cứ đặc điểm đối tượng nuôi dưỡng, điều dưỡng; quy mô và số lượng đối tượng nuôi dưỡng, điều dưỡng; định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ chăm sóc người có công được quy định như sau:

TT	Chỉ số quy đổi	Định mức quy đổi (số đối tượng/01 nhân viên)
1.	Định mức quy đổi đối với công tác nuôi dưỡng thương binh, bệnh binh liệt, tâm thần có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động trên 81%	02 đối tượng/01 nhân viên
2.	Định mức quy đổi đối với công tác điều dưỡng luân phiên người có công	100 lượt/năm/01 nhân viên

2. Đối với đơn vị có chức năng, nhiệm vụ có yêu cầu về vị trí việc làm thuộc chuyên môn về y tế và yêu cầu chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực khác thì đơn vị căn cứ hướng dẫn của Bộ Y tế, của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để xác định số lượng người làm việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 10. Điều chỉnh số lượng người làm việc hàng năm

Việc điều chỉnh số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.
2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Cổng TTĐT của Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ LĐTBXH;
- Cổng TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, VTCCB (10b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Văn Thanh